

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lữ Thị L. Sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn 1, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh K. Nơi làm việc: Công nhân Công ty Seojin Việt Nam. Số điện thoại: 01655 859 349.

Bị đơn: Anh Vi Văn T. Sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn 1, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh K. Số điện thoại: 01697 470 782.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lữ Thị L và anh Vi Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lữ Thị L và anh Vi Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Lữ Thị L và anh Vi Văn T thống nhất thỏa thuận: Giao 02 (hai) con chung tên: Vi Văn C, sinh ngày 29/01/2006 và Vi Thành T, sinh ngày 23/11/2009 cho chị Lữ Thị L chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 (Mười tám) tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lữ Thị L không yêu cầu anh Vi Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vi Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị Lữ Thị L và anh Vi Văn T không yêu cầu Tòa giải quyết.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lữ Thị L và anh Vi Văn T mỗi người phải

chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị L nhận chịu toàn bộ án phí cho anh Vi Văn T nhưng được trừ vào số tiền chị L nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2010/0008471 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia H'Drai, tỉnh K. Chị Lữ Thị L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai;
- UBND xã Đăk Ui, Đăk Hà, Kon Tum;
- UBND xã Ia Dom, Ia H'Drai, Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ia H'Drai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Phú Lợi